TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:15/2024/DS - ST
Ngày: 21- 6 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Lê Thị Linh Phượng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thái Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH V; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc N, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024) *(có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài P, sinh năm: 1975 và bà Trần Thị Thùy T (tên thường gọi là B), sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Thùy T: Ông Nguyễn Hoài P, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2024) *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2024, bản tự khai ngày 03/01/2024 và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Khắc N trình bày:

Giữa Công ty TNHH V do bà Đinh Thị Anh Đ là người đại diện theo pháp luật với vợ chồng bà Trần Thị Thùy T (tên thường gọi là B) và ông Nguyễn Hoài P có mối quan hệ quen biết với nhau, nên vào ngày 20/01/2023 bà T, ông P có vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3% tháng để mua bán lúa. Ngày 25/02/2023 bà T, ông P vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%, thời hạn trả nợ cho 02 khoản vay là ngày 25/3/2023. Đến hạn, Công ty TNHH V nhiều lần yêu cầu bà T, ông P trả tiền nhưng bà T, ông P không thực hiện. Nay Công ty TNHH V yêu cầu bà T, ông P liên đới trả số tiền vay là 700.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi suất cụ thể:

- Số tiền vay 600.000.000 đồng, lãi suất là 1,66% tháng, thời hạn tính lãi suất từ ngày 20/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/6/2024 tính tròn tháng (600.000.000 đồng x 1,66% x 17 tháng = 169.320.000 đồng) thành tiền là 169.320.000 đồng.

- Số tiền vay 100.000.000 đồng, lãi suất là 1,66% tháng, thời hạn tính lãi suất từ ngày 25/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/6/2024 (100.000.000 đồng x 1,66% x 15 tháng 26 ngày = 26.338.666 đồng) thành tiền tính tròn là 26.338.000 đồng.

Như vậy, bà T, ông P phải trả số tiền vay là 700.000.000 đồng, số tiền lãi phải trả là 195.658.000 đồng. Tổng cộng là 895.658.000 đồng. Đồng thời, Công ty TNHH V còn yêu cầu tiếp tục tính lãi suất của số tiền vay từ ngày 22/6/2024, mức lãi suất là 1,66% cho đến khi bà T, ông P trả đủ số tiền vay. Ngoài ra, Công ty TNHH V không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 16/4/2024, biên bản ghi lời khai ngày 17/4/2024, tại phiên hòa giải ngày 16/4/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hoài P: Thừa nhận ngày 20/01/2023 vợ chồng ông có vay của Công ty TNHH V, do Đinh Thị Anh Đ làm người đại diện với số tiền là 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3% tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 25/3/2023 để kinh doanh mua bán lúa. Đến ngày 25/02/2023 thì bà T có chuyển khoản trả 200.000.000 đồng. Nhưng sau đó, bà T có vay lại số tiền 100.000.000 đồng, cũng thỏa thuận lãi suất là 3% tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 25/3/2023. Đến hạn, do mua bán không có lãi và người khác còn nợ nên vợ chồng chưa có tiền trả cho Công ty TNHH V. Nay đồng ý trả số tiền vay còn nợ là 500.000.000 đồng, mức lãi suất là 1,66% tháng, thời hạn tính lãi suất từ ngày vay cho đến khi trả xong số tiền vay.

Công ty TNHH V khởi kiện bà Trần Thị Thùy T, ông Nguyễn Hoài P về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ vay 700.000.000 đồng: Bà T, ông P thừa nhận vào ngày 20/01/2023 có vay số tiền 600.000.000 đồng, ngày 25/02/2023 vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, bà T trình bày ngày 25/02/2023, bà T đã chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của bà Đinh Thị Anh Đ để trả cho khoản vay ngày 20/01/2023 nên chỉ còn lại 400.000.000 đồng. Ông N, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận có nhận 200.000.000 đồng do bà T chuyển khoản, ông N cho rằng đây là số tiền bà T chuyển đổi tiền nhưng ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là giao dịch chuyển đổi tiền giữa các bên. Trong khi bà T, ông P không thừa nhận số tiền 200.000.000 đồng là tiền chuyển đổi mà cho rằng đó là chuyển trả tiền mượn ngày 20/01/2023; bà T, ông P cung cấp giấy ủy nhiệm chi và danh sách sao kê tại Ngân hàng thể hiện ngày 25/02/2023 bà T thực hiện chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng với nội dung "Bích trả tiền mượng". Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Về lãi suất: Căn cứ các giấy cho vay tiền đều thể hiện việc cho vay có thỏa thuận lãi. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi mức 1,66%/tháng; bị đơn đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nên đề nghị chấp nhận. Thời gian và số tiền tính lãi được tính như sau: Từ ngày 20/01/2023 đến ngày 25/02/2023 cho số tiền vay gốc 600.000.000 đồng; từ ngày 25/02/2023 đến ngày xét xử cho số tiền 500.000.000 đồng với mức 1,66%/tháng. Lãi được tính tiếp cho đến khi thi hành án xong.

Đối với ý kiến bà T, ông P xin được trả dần số nợ vay trên; Đại diện nguyên đơn không đồng ý và pháp luật không quy định việc trả dần nên ý kiến bà T, ông P không được chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Công ty TNHH V có cho vợ chồng bà Trần Thị Thùy T, ông Nguyễn Hoài P vay tiền số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 20/01/2023 và 100.000.000 đồng vào ngày 25/02/2023, lãi suất thỏa thuận là 3% tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 25/3/2023. Nay Công ty TNHH V yêu cầu vợ chồng bà T, ông P liên đới trả số tiền vay là 700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, mức lãi suất là 1,66% tháng, thời hạn tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử 21/6/2024.

Vợ chồng bà Trần Thị Thùy T, ông Nguyễn Hoài P thừa nhận có vay 02 lần là 700.000.000 đồng, nhưng có trả được 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 25/02/2023. Nay vợ chồng bà T, ông P đồng ý trả số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, mức lãi là 1,66% tháng, thời hạn tính lãi suất từ ngày vay cho đến khi trả xong số tiền vay.

[2.2] Tại phiên tòa, Công ty TNHH V cung cấp cho Tòa án 02 giấy biên nhận có chữ ký của bà T và việc vay tiền được bà T, ông P thừa nhận, nhưng bà T cung cấp giấy "ủy nhiệm chi" và sao kê nội dung tài khoản của bà Trần Thị Thùy T thể hiện bà T đã trả được 200.000.000 đồng, với hình thức chuyển khoản ngày 25/02/2023 vào tài khoản của bà Đinh Thị Anh Đ, có nội dung "Bích trả tiền mượng". Ông N thừa nhận ngày 25/02/2023 bà T có chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của bà Đ, nhưng không phải trả tiền vay, mà bà T chuyển khoản để đổi tiền, ông N không cung cấp được chứng cứ về việc giao dịch đổi tiền ngày 25/02/2023 giữa Công ty TNHH V với bà T. Do đó, việc bà T khai có trả số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 25/02/2023 nên theo giấy vay tiền ngày 20/01/2023 thì bà T, ông P chỉ còn nợ số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với giấy cho vay tiền ngày 25/02/2023 thể hiện bà T có vay của Công ty TNHH V số tiền 100.000.000 đồng, được bà T, ông P thừa nhận, yêu cầu này của ông N là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, ông N yêu cầu bà T, ông P liên đới trả tổng số tiền vay 700.000.000 đồng là chưa đủ căn cứ, chỉ có căn cứ bà T, ông P liên đới trả tổng số tiền vay là 500.000.000 đồng theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.4] Ông N yêu cầu bà T, ông P phải trả lãi suất tiền vay, mức lãi suất là 1,66% tháng, thời hạn tính lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử, được ông P đồng ý, nhưng do có căn cứ chấp nhận việc bà T, ông P đã trả được số tiền vay là 200.000.000 đồng vào ngày 25/02/2023, nên việc trả tiền lãi suất được tính như sau:

- Số tiền vay 600.000.000 đồng vào ngày 20/01/2023, được tính lãi suất đến ngày 25/02/2023 là 01 tháng 05 ngày, mức lãi suất là 1,66% tháng

(600.000.000 đồng x 1,66% tháng x 01 tháng 05 ngày = 11.620.000 đồng) thành tiền là 11.620.000 đồng.

- Do giấy vay tiền được trả vào ngày 25/02/2023, số tiền còn lại là 400.000.000 đồng, trùng với giấy vay tiền ngày 25/02/2023 với số tiền là 100.000.000 đồng. Như vậy, cộng chung của 02 giấy vay tiền lại là 500.000.000 đồng, được tính lãi suất đến ngày 21/06/2024 là 15 tháng 26 ngày, mức lãi suất là 1,66% tháng (500.000.000 đồng x 1,66% tháng x 15 tháng 26 ngày = 131.693.333 đồng) tính tròn thành tiền là 131.693.000 đồng.

Ông N yêu cầu tính lãi suất được chấp nhận tổng số tiền lãi là 143.313.000 đồng là có căn cứ theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2.5] Như vậy, Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu bà T, ông P trả số tiền vay 700.000.000 đồng, nhưng chỉ được chấp nhận số tiền vay còn nợ là 500.000.000 đồng và tiền lãi suất là 143.313.000 đồng, tổng cộng thành tiền là 643.313.000 đồng là có căn cứ theo Điều 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

[2.6] Ông N đại diện của Công ty TNHH V yêu cầu bà T, ông P phải trả số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 25/02/2023 đến ngày 21/06/2024 là 15 tháng 26 ngày, mức lãi là 1,66% tháng (200.000.000 đồng x 1,66% tháng x 15 tháng 26 ngày = 52.677.333 đồng) thành tiền tính tròn là 52.677.000 đồng, tổng cộng 252.677.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận theo Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

[2.7] Công ty TNHH V yêu cầu bà T, ông P phải tiếp tục liên đới trả lãi trong giai đoạn thi hành án, được tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1,66% tháng, được bị đơn đồng ý. Sự thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V là có căn cứ.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V đối với bà T, ông P được Tòa án chấp nhận số tiền 643.313.000 đồng nên bà T, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; số tiền 400.000.000 đồng mức án phí là 20.000.000 đồng, số tiền 243.313.000 đồng mức án phí là 4% thành tiền là 9.732.520 đồng, tổng cộng tiền án phí làm tròn là 29.732.000 đồng.

Công ty TNHH V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền 252.677.000 đồng không được chấp nhận, mức án phí là 5% thành tiền là 12.633.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 280, 288, 463, 466, 468, 470 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V đối với vợ chồng bà Trần Thị Thùy T, ông Nguyễn Hoài P về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Bà Trần Thị Thùy T, ông Nguyễn Hoài P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH V tổng số tiền là 643.313.000 đồng (Trong đó, tiền vay là 500.000.000 đồng + tiền lãi là 143.313.000 đồng = 643.313.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Thùy T, ông Nguyễn Hoài P phải chịu 29.732.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH V phải chịu 12.633.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.498.000 đồng theo biên lai số 0002454 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Công ty TNHH V được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.865.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND tỉnh/Huyện;
-Chi cục THA DS;
-Các đ/s;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hựu